

Số: 345/QĐ-CĐĐS

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tuyển sinh trong Trường Cao đẳng Đường sắt

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thành lập Trường Cao đẳng Nghề đường sắt I, Quyết định số 1029/QĐ-LĐTBXH ngày 12 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Nghề đường sắt I thành Trường Cao đẳng Nghề đường sắt và Quyết định số 130/QĐ-LĐTBXH ngày 07 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Nghề đường sắt thành Trường Cao đẳng Đường sắt;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành kèm theo Quyết định số 1281/QĐ-CĐĐS ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật tố cáo ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 7 tháng 7 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ sơ cấp;

Thông tư 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ sơ cấp;

Thông tư 5830/VBHN-BLĐTBXH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ sơ cấp;

Căn cứ Thông tư số 12/2018/TT-BYT ngày 04 tháng 5 năm 2018 Quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục nghề, công việc

nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-TTCT ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh;

Xét đề nghị của Phòng Kiểm định chất lượng đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Tuyển sinh trong Trường Cao đẳng Đường sắt”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Phó Hiệu trưởng, giám đốc các trung tâm, giám đốc các phân hiệu, trưởng các phòng, khoa, tổ bộ môn, các cán bộ, giảng viên và nhân viên toàn Trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Website trường;
- Phó Hiệu trưởng;
- Phòng ĐT, TT TVGDNN, các phân hiệu;
- Lưu: VT, KĐCLĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phan Thị Thu Hương

QUY CHẾ
TUYỂN SINH TRONG TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 345/QĐ-CĐĐS ngày 20/5/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Đường sắt)

Chương 1
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về công tác tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ sơ cấp, trung cấp, trình độ cao đẳng, liên thông từ trình độ sơ cấp lên trình độ trung cấp và liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng trong Trường Cao đẳng Đường sắt.

2. Quy chế này áp dụng đối với Phòng Đào tạo, Trung tâm Tư vấn và giáo dục nghề nghiệp, cán bộ, giáo viên, nhân viên làm công tác tuyển sinh và các thí sinh nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển vào Trường Cao đẳng Đường sắt.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và từ viết tắt

- Ngày đề cập trong Quy chế này là ngày làm việc.
- GDNN: Giáo dục nghề nghiệp
- HSSV: Học sinh, sinh viên
- TCT ĐSVN: Tổng công ty Đường sắt Việt Nam
- HĐTS: Hội đồng Tuyển sinh
- THCS: Trung học cơ sở
- THPT: Trung học phổ thông

Điều 3. Ngành, nghề đào tạo

Các ngành nghề đào tạo thực hiện theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung do Tổng cục GDNN cấp hiện hành.

Điều 4. Thời gian và hình thức tuyển sinh

Hình thức tuyển sinh là xét tuyển và được thực hiện nhiều lần trong năm.

Điều 5. Đối tượng tuyển sinh

1. Trình độ sơ cấp

a) Đối tượng tuyển sinh trình độ đào tạo sơ cấp là người từ đủ 15 (mười lăm) tuổi trở lên, có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học.

b) Đối với các lớp đào tạo theo địa chỉ, người học nghề thuộc danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành phải từ đủ 18 tuổi trở lên.

Danh mục nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm tại Phụ lục I của Quy chế này.

2. Trình độ trung cấp

a) Học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở và tương đương trở lên.

b) Người có chứng chỉ sơ cấp, sơ cấp nghề cùng ngành, nghề và có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên có nhu cầu học liên thông lên trình độ trung cấp;

c) Người có bằng tốt nghiệp trung cấp, trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp có nhu cầu học liên thông để có bằng tốt nghiệp trung cấp thứ hai.

d) Đối với các lớp đào tạo theo địa chỉ, người học nghề thuộc danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành phải từ đủ 18 tuổi trở lên.

3. Trình độ cao đẳng

a) Người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông;

b) Người có bằng tốt nghiệp trung cấp và có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định;

c) Người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành, nghề và bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương có nhu cầu học liên thông lên trình độ cao đẳng;

d) Người có bằng tốt nghiệp cao đẳng, cao đẳng nghề có nhu cầu học liên thông để có bằng tốt nghiệp cao đẳng thứ hai.

4. Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; quân nhân, công an nhân dân tại ngũ; người nước ngoài, nếu có đủ điều kiện sau đây được đăng ký dự tuyển học trình độ trung cấp, cao đẳng:

- Bảo đảm các điều kiện được quy định tại khoản 2, 3 Điều này;

- Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (nếu dùng ngân sách nhà nước đi học) đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được dự tuyển khi đã được thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đồng ý;

- Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học trung cấp, cao đẳng tại Việt Nam, Hiệu trưởng trường căn cứ kết quả học tập ở trung học cơ sở,

trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên của thí sinh (bảng điểm, văn bằng, chứng chỉ minh chứng) và kết quả kiểm tra kiến thức, tiếng Việt (nếu cần) theo quy định của Trường để xem xét, quyết định tuyển thí sinh vào học.

Điều 6. Chính sách ưu tiên tuyển sinh

Chính sách ưu tiên tuyển sinh theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 7. Quyền và trách nhiệm của Hiệu trưởng

1. Hiệu trưởng trường có quyền quyết định số lần tuyển sinh trong năm và hình thức tuyển sinh của Trường.

2. Hiệu trưởng trường xây dựng quy chế tuyển sinh của Trường và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

3. Các hình thức xử lý vi phạm do Hiệu trưởng quyết định xử lý theo quy định tại Quy chế Tuyển sinh của Trường và quy định của pháp luật.

Điều 8. Trách nhiệm của thí sinh trong kỳ tuyển sinh

1. Khai chính xác thông tin, nộp đủ hồ sơ và lệ phí tuyển sinh về Trường trong thời gian quy định của Trường, đồng thời có mặt đúng thời gian quy định tại Trường khi có yêu cầu.

2. Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin trong Phiếu đăng ký dự tuyển. Nhà trường có quyền từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin trong Phiếu đăng ký dự tuyển với hồ sơ gốc.

3. Có trách nhiệm phát hiện, tố giác những hiện tượng vi phạm Quy chế Tuyển sinh để đăng ký dự tuyển xử lý kịp thời.

Điều 9. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyển sinh

1. Xử lý các dữ liệu đăng ký tuyển sinh trực tuyến trên trang thông tin tuyển sinh hoặc trên ứng dụng “Chọn nghề” của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Nhập dữ liệu từ hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh, nhập dữ liệu về kết quả sơ tuyển (nếu có).

3. Tổ chức, quản lý quá trình xét tuyển, thi tuyển trên phần mềm máy tính.

4. In giấy báo trúng tuyển cho thí sinh trúng tuyển.

5. Cập nhật thông tin đăng ký dự tuyển và công bố danh sách thí sinh trúng tuyển trên trang thông tin điện tử của Trường và phương tiện thông tin đại chúng.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ TRONG CÔNG TÁC TUYỂN SINH

Mục 1

HỒ SƠ VÀ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ

Điều 10. Hồ sơ đăng ký dự tuyển gồm:

1. Phiếu đăng ký tuyển sinh theo mẫu (có dán ảnh cỡ 3x4 cm của thí sinh);

Mẫu phiếu Đăng ký dự tuyển theo Phụ lục III của Quy chế này.

2. Bản sao các văn bằng tốt nghiệp và học bạ hoặc bảng điểm (*có công chứng*) theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này;

3. Lý lịch HSSV có xác nhận của địa phương nơi cư trú hoặc đơn vị công tác.

4. Bản sao giấy khai sinh;

5. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có);

6. Giấy chứng nhận sức khỏe thực hiện theo khoản 2 Điều 20 của Quy chế này.

Điều 11. Thủ tục đăng ký học

1. Các hình thức đăng ký dự tuyển

a) Đăng ký trực tiếp trên Phiếu đăng ký dự tuyển vào giáo dục nghề nghiệp và nộp Phiếu đăng ký dự tuyển tại trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên hoặc tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội của địa phương hoặc trực tiếp tại Trường Cao đẳng Đường sắt.

- Khu vực Miền Bắc: Trường Cao đẳng Đường sắt. Địa chỉ: số 2/167, phố Gia Quất, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội.

- Khu vực Miền Trung: Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Đà Nẵng. Địa chỉ: số 62a Nguyễn Văn Cừ, phường Hoà Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Khu vực Miền Nam: Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Phía Nam. Địa chỉ: số 7, đường Lý Thường Kiệt, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

b) Đăng ký trực tuyến (Online) trên trang thông tin điện tử về tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có địa chỉ tại: <http://tuyensinh.gdnn.gov.vn> hoặc trên trang thông tin điện tử của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội của địa phương hoặc trên các trang thông tin điện tử của Trường Cao đẳng Đường sắt có địa chỉ tại: <http://caodangduongsat.edu.vn>. Hoặc tải Phiếu đăng ký dự tuyển điền đầy đủ thông tin, Scan hoặc chụp (ảnh) gửi vào địa chỉ Email:

trungtamvtdtds@gmail.com

c) Đăng ký trực tuyến (Online) qua Ứng dụng “Chọn nghề” được cài đặt trên các thiết bị di động (điện thoại thông minh, máy tính bảng).

2. Hồ sơ dự tuyển được phát miễn phí;

3. Lệ phí xét tuyển

Trường có thể thu hoặc không thu lệ phí tuyển sinh tùy thuộc từng nghề, từng năm được Hiệu trưởng quyết định mức thu và ghi trên Thông báo tuyển sinh hàng năm.

Mục 2

TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TRƯỜNG TRONG CÔNG TÁC TUYỂN SINH

Điều 12. Tổ chức, thành phần, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh

1. Trước ngày 31 tháng 10 hằng năm, Phòng Đào tạo tham mưu Hiệu trưởng trường ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh cho năm sau để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh.

2. Thành phần của Hội đồng tuyển sinh của Trường gồm:

a) Chủ tịch là Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng;

b) Phó chủ tịch là Phó hiệu trưởng hoặc Trưởng phòng đào tạo;

c) Ủy viên thường trực là Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng đào tạo;

d) Các ủy viên là một số trưởng phòng, trưởng khoa, trưởng bộ môn, giám đốc trung tâm, giáo viên, giảng viên và cán bộ công nghệ thông tin do Hiệu trưởng quyết định.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Tuyển sinh

a) Tổ chức triển khai các phương án tuyển sinh đã lựa chọn;

b) Giải quyết thắc mắc và khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh;

c) Thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh theo quy định;

d) Tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật theo quy định;

đ) Tổ chức thực hiện phần mềm tuyển sinh thống nhất của Trường; báo cáo kịp thời kết quả tuyển sinh theo quy định tại Điều 25 của Quy chế này.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Tuyển sinh

a) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh của Trường;

b) Thành lập các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh trường để triển khai công tác tuyển sinh, gồm:

- Ban thư ký; Ban phúc tra;
- Các ban khác (nếu có) do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quy định trên cơ sở ý kiến của các thành viên Hội đồng Tuyển sinh.

Cơ cấu, số lượng, thành phần, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đối với các ban giúp việc của Hội đồng tuyển sinh do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trường quy định trên cơ sở ý kiến của các thành viên Hội đồng Tuyển sinh. Các ban chuyên môn của Trường được thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Quy chế này và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường.

c) Thực hiện công tác báo cáo theo quy định.

5. Phó Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trường thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh phân công và thay mặt Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh giải quyết công việc khi Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh ủy quyền.

Điều 13. Tổ chức, thành phần, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh

1. Thành phần Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh gồm:

- a) Trưởng ban do ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm;
- b) Các ủy viên gồm: Một số cán bộ Trung tâm tư vấn và giáo dục nghề nghiệp, Phòng Đào tạo, các khoa, phòng và cán bộ công nghệ thông tin.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh của Trường:

- a) Tổ chức nhận hồ sơ và lệ phí đăng ký xét tuyển;
- b) Nhập và rà soát thông tin đăng ký xét tuyển vào phần mềm tuyển sinh của Trường;
- c) Cập nhật và công bố công khai thông tin đăng ký xét tuyển của thí sinh;
- d) Dự kiến phương án điểm trúng tuyển, trình Hội đồng tuyển sinh quyết định;
- đ) Lập danh sách thí sinh trúng tuyển;
- e) In và gửi giấy triệu tập thí sinh trúng tuyển;
- g) Kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Quy chế này;
- h) Được quyền đề xuất với Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh để thay đổi các nội dung trong Quy chế tuyển sinh của Trường cho phù hợp với tình hình thực tế của từng thời điểm tuyển sinh;
- i) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh giao.

Điều 14. Tiêu chí xác định chỉ tiêu tuyển sinh

Hàng năm, trên cơ sở chỉ tiêu của từng ngành nghề đào tạo đã được cấp phép, Phòng Đào tạo tiến hành khảo sát nhu cầu học tập tại các địa phương, các đơn vị trong và ngoài ngành Đường sắt, căn cứ vào các tiêu chí sau để xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình Hội đồng tuyển sinh xem xét:

1. Tỷ lệ HSSV/giáo viên, giảng viên tối đa là 25. Có số lượng giáo viên, giảng viên cơ hữu bảo đảm đảm nhiệm tối thiểu 60% chương trình của mỗi ngành, nghề đào tạo.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phù hợp với ngành, nghề, quy mô và trình độ đào tạo được tính theo quy định cụ thể như sau:

a) Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất 5,5m²/chỗ học.

b) Có đủ thiết bị đào tạo từng ngành, nghề đào tạo đáp ứng theo danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu do Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định.

c) Có thư viện với các phần mềm và trang thiết bị phục vụ cho việc mượn, tra cứu, nghiên cứu tài liệu; có đủ nguồn thông tin tư liệu như sách, giáo trình, bài giảng của các mô đun, tín chỉ, học phần, môn học, các tài liệu liên quan đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập.

d) Có đủ phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ, bảo đảm đáp ứng cơ cấu tổ chức phòng, khoa, bộ môn chuyên môn, bảo đảm diện tích ít nhất là 06 m²/người đối với đào tạo trình độ trung cấp và 08 m²/người đối với đào tạo trình độ cao đẳng.

đ) Có các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên và HSSV.

3. Thời điểm xác định số liệu tính toán là ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Điều 15. Nguyên tắc xác định chỉ tiêu tuyển sinh

Hiệu trưởng trường tự xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm theo các tiêu chí quy định tại Điều 14 của Quy chế này, không trái với quy định hiện hành.

Điều 16. Quy trình đăng ký, thông báo chỉ tiêu tuyển sinh

Nhà trường đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm của đơn vị mình với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và TCT ĐSVN (theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quy chế này) trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Điều 17. Kế hoạch tuyển sinh và thông báo tuyển sinh

1. Kế hoạch tuyển sinh

Trên cơ sở xác định chỉ tiêu tuyển sinh quy định tại Điều 14 của Quy chế này; căn cứ vào nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, người sử dụng lao động, nhu cầu của người học và kết quả tuyển sinh đào tạo trong năm, trước

ngày 31 tháng 12 hằng năm Hội đồng tuyển sinh xây dựng kế hoạch tuyển sinh trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng cho năm sau của Trường, gồm: số lượng, nghề đào tạo, đối tượng, thời gian, địa bàn tuyển sinh gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi tổ chức đào tạo và TCT ĐSVN.

Mẫu Kế hoạch tuyển sinh theo Phụ lục V của Quy chế này.

2. Thông báo tuyển sinh

Chậm nhất 03 (ba) tháng trước khi tổ chức tuyển sinh của mỗi đợt, Nhà trường công bố công khai chỉ tiêu tuyển sinh của từng nghề; đối tượng tuyển sinh, khu vực tuyển sinh và thời hạn nhận hồ sơ đăng ký học; thời gian xét tuyển và căn cứ xét tuyển.

Mẫu Thông báo tuyển sinh theo Phụ lục VI của Quy chế này.

Mục 3 **XÉT TUYỂN**

Điều 18. Xét tuyển các cấp trình độ

1. Thí sinh có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy chế này đăng ký dự tuyển được tuyển vào học trình độ sơ cấp.

2. Thí sinh có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy chế này đăng ký dự tuyển được xét tuyển vào học trình độ Trung cấp. Điều kiện xét tuyển được thực hiện như sau:

a) Đối với xét tuyển Trung cấp chính qui việc chọn một trong các căn cứ sau để làm điều kiện xét tuyển do HĐTS quyết định:

- Điểm xét tốt nghiệp hoặc điểm thi tốt nghiệp THCS hoặc tương đương;
- Điểm tổng kết các môn học của 4 năm học THCS hoặc 3 năm học THPT;
- Điểm tổng kết các môn học lớp cuối THCS hoặc THPT;
- Điểm thi tuyển cao đẳng hoặc đại học cùng năm đăng ký dự tuyển học trung cấp.

b) Đối với xét tuyển liên thông Trung cấp thực hiện xét tuyển theo bảng điểm tổng kết các môn học, mô - đun ở trình độ sơ cấp.

3. Thí sinh có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Quy chế này đăng ký dự tuyển được xét tuyển vào học trình độ Cao đẳng. Điều kiện xét tuyển được thực hiện như sau:

a) Đối với xét tuyển Cao đẳng chính qui việc chọn một trong các căn cứ sau để làm điều kiện xét tuyển do HĐTS quyết định:

- Điểm thi tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Điểm tổng kết các môn học của các năm học THPT hoặc tương đương;

- Điểm xét tuyển, thi tuyển đại học cùng năm đăng ký học trình độ cao đẳng.

b) Đối với xét tuyển liên thông Cao đẳng thực hiện xét tuyển theo bảng điểm tổng kết các môn học, mô - đun ở trình độ trung cấp.

4. Thí sinh trúng tuyển được Nhà trường gửi Giấy triệu tập thí sinh trúng tuyển.

Điều 19. Xác định thí sinh trúng tuyển

1. Căn cứ số lượng chỉ tiêu được xác định theo quy định, sau khi trừ số thí sinh được tuyển thẳng, cử tuyển (nếu có); căn cứ thống kê kết quả tuyển sinh; căn cứ quy định khung điểm ưu tiên (nếu có), Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh dự kiến một số phương án tuyển chọn để trình Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh xem xét, quyết định.

2. Khi số thí sinh trúng tuyển đến Trường không đủ, Trường có thể hạ tiêu chuẩn tuyển chọn hoặc tuyển bổ sung bằng các lần tuyển sinh tiếp theo cho đến khi đủ chỉ tiêu. Việc hạ tiêu chuẩn tuyển chọn và tuyển sinh các đợt tiếp theo do Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quy định trên cơ sở ý kiến của các thành viên Hội đồng tuyển sinh và phải thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Trường hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác.

3. Nếu số thí sinh đến Trường nhập học đủ so với chỉ tiêu đã xác định ở ngay đợt tuyển sinh tiếp theo, Trường không được nhận thêm hồ sơ đăng ký dự tuyển dù vẫn còn các đợt tuyển sinh như đã thông báo trước đó và phải thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác. Tiêu chuẩn tuyển chọn ở tất cả các đợt tuyển sinh của Trường không nhất thiết phải bằng nhau và do Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định trên cơ sở ý kiến của các thành viên Hội đồng Tuyển sinh.

4. Đối với những ngành, nghề không tuyển đủ chỉ tiêu, sau khi đã xác định tiêu chuẩn tuyển chọn ở mức cho phép theo yêu cầu đào tạo của Trường mà vẫn còn thiếu số lượng, Trường được phép lấy thí sinh dự tuyển vào Trường mình nhưng không trúng tuyển vào những ngành, nghề khác, đồng thời đạt yêu cầu và tiêu chuẩn tuyển chọn theo quy định của ngành, nghề còn thiếu số lượng và tự nguyện vào học ngành, nghề đó. Nếu số người đạt đủ tiêu chuẩn tuyển chọn lớn hơn chỉ tiêu thì lấy theo tiêu chuẩn tuyển chọn từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số lượng theo một quy trình công khai.

5. Căn cứ các phương án xác định tiêu chuẩn tuyển chọn của Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh đề xuất, trên cơ sở ý kiến của các thành viên Hội đồng Tuyển sinh, Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định, chịu trách nhiệm và ký duyệt điều kiện trúng tuyển. Tiêu chuẩn trúng tuyển, danh sách thí sinh trúng tuyển phải công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác.

Điều 20. Triệu tập thí sinh trúng tuyển

1. Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trực tiếp xét duyệt danh

sách thí sinh trúng tuyển do Ban thư ký trình và ký giấy triệu tập thí sinh trúng tuyển tới nhập học. Trong giấy triệu tập cần ghi rõ kết quả dự tuyển của thí sinh và những điều kiện cần thiết đối với thí sinh khi nhập học.

Mẫu Giấy triệu tập thí sinh trúng tuyển theo Phụ lục VII của Quy chế này.

2. Trước khi vào học chính thức, HSSV phải được kiểm tra sức khỏe toàn diện do Hội đồng Khám sức khỏe của Trường tổ chức. Nếu Nhà trường không thành lập Hội đồng Khám sức khỏe thì thí sinh được kiểm tra sức khỏe tại cơ sở y tế có đủ điều kiện chứng nhận sức khỏe theo quy định của ngành y tế. Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở y tế cấp hoặc do Hội đồng Khám sức khỏe của Trường cấp được bổ sung vào hồ sơ quản lý HSSV. Cụ thể:

a) Đối với chức danh lái tàu; phụ lái tàu đáp ứng tiêu chuẩn sức khỏe quy định tại Nhóm 3, Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLB-BYT-BGTVT ngày 21 tháng 8 năm 2015 của Bộ Y tế và Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe.

b) Đối với chức danh trưởng tàu; trưởng đôn; trực ban chạy tàu ga; nhân viên điều độ chạy tàu tuyến, điều độ chạy tàu ga; nhân viên gác ghi; nhân viên ghép nối đầu máy, toa xe; nhân viên tuần đường, cầu, hầm, gác hầm; nhân viên gác đường ngang, cầu chung đáp ứng tiêu chuẩn sức khỏe loại II trở lên khi khám tuyển theo quy định tại Quyết định số 1613/BYT-QĐ ngày 15 tháng 8 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Tiêu chuẩn phân loại sức khỏe để khám tuyển, khám định kỳ” cho người lao động.

c) Đối với các nhóm ngành, nghề khác đáp ứng tiêu chuẩn sức khỏe của từng nghề theo quy định của Bộ Y tế.

3. Thí sinh trúng tuyển vào Trường nộp 01 bộ hồ sơ gồm những giấy tờ sau đây:

a) Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp, hoặc giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông, hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông, hoặc kết quả khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông (tùy theo từng đối tượng dự tuyển), hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời đối với người trúng tuyển ngay trong năm tốt nghiệp THPT. Khi có bằng tốt nghiệp THPT phải nộp bản sao chứng thực bằng tốt nghiệp THPT;

b) Bản sao có chứng thực các giấy tờ minh chứng để được hưởng chế độ ưu tiên theo quy định;

c) Giấy triệu tập trúng tuyển.

d) Bản sao thẻ căn cước công dân;

đ) Bản sao giấy khai sinh;

e) Lý lịch HSSV;

g) Giấy khám sức khỏe;

h) 02 ảnh cỡ 4x6 cm chụp theo kiểu chứng minh nhân dân có ghi họ, tên và ngày, tháng, năm sinh của thí sinh ở mặt sau ảnh.

4. Những thí sinh đến nhập học chậm sau 15 ngày so với ngày yêu cầu có mặt ghi trong Giấy triệu tập trúng tuyển thì Trường có quyền từ chối không tiếp nhận. Nếu đến chậm trong những trường hợp bất khả kháng như do ốm, đau, tai nạn, thiên tai có giấy xác nhận của bệnh viện cấp huyện trở lên hoặc của Ủy ban nhân dân cấp huyện thì Nhà trường xem xét quyết định tiếp nhận vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học khóa học kế tiếp sau.

5. Những thí sinh trúng tuyển, nếu địa phương giữ lại không cho đi học thì có quyền khiếu nại lên các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo.

Mục 4

THANH TRA, KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 21. Thanh tra, kiểm tra, giám sát tuyển sinh

Nhà trường tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát các khâu trong công tác tuyển sinh theo quy định hiện hành.

Điều 22. Kiểm tra kết quả xét tuyển và hồ sơ của thí sinh trúng tuyển

1. Sau kỳ (đợt) tuyển sinh chậm nhất 15 ngày, Trường phải tiến hành kiểm tra kết quả xét tuyển của tất cả số thí sinh đã trúng tuyển vào Trường ở tất cả các khâu, đồng thời kiểm tra, đối chiếu với bản chính các loại giấy tờ của thí sinh. Nếu phát hiện thấy các trường hợp vi phạm quy chế hoặc các trường hợp nghi vấn, cần lập biên bản kiến nghị Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh có biện pháp xác minh, xử lý.

2. Khi thí sinh đến nhập học, Trường phải tổ chức kiểm tra hồ sơ đã nộp theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Quy chế này.

3. Trong quá trình HSSV đang theo học nếu có khiếu nại, tố cáo thì Trường phải thanh tra, kiểm tra hồ sơ và kết quả xét tuyển của thí sinh theo quy định.

Điều 23. Tổ chức phúc tra

1. Thời hạn phúc tra

Hội đồng tuyển sinh trường nhận đơn đăng ký phúc tra về kết quả xét tuyển của thí sinh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công bố kết quả xét tuyển và trúng tuyển. Hội đồng tuyển sinh trường phải trả lời thí sinh chậm nhất là 10

ngày kể từ ngày nhận đơn.

Mẫu đơn xin phúc tra tuyển sinh theo Phụ lục VIII của Quy chế này.

2. Tổ chức phúc tra

a) Việc tổ chức phúc tra tiến hành dưới sự điều hành trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh. Các thành viên đã tham gia quá trình nhập điểm và kiểm dò ở các lần trước không thuộc thành phần tham gia phúc tra; thời gian, vị trí làm việc do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quy định;

b) Trước khi tiến hành phúc tra, Ban thư ký (gồm ít nhất 02 người) tiến hành các việc sau đây:

- Kiểm tra sơ bộ tình trạng hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh, nếu phát hiện có hiện tượng bất thường trong hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh thì lập biên bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trường;

Mẫu Biên bản kiểm tra hồ sơ đăng ký dự tuyển theo Phụ lục IX của Quy chế này.

- Lập biên bản bàn giao cho Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh các hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh đăng ký phúc tra.

c) Khi tiến hành phúc tra, nhóm phúc tra (gồm ít nhất 02 người) tiến hành các việc sau đây:

- Kiểm tra tình trạng hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh;
- Đối chiếu kết quả xét tuyển do Trường thông báo tới thí sinh đăng ký phúc tra với hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh;
- Báo cáo Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh sau khi tiến hành đối chiếu kết quả xét tuyển của các thí sinh đăng ký phúc tra.

Mẫu Báo cáo kết quả phúc tra theo Phụ lục X của Quy chế này.

d) Xử lý kết quả phúc tra:

- Nếu kết quả xét tuyển sau khi đã phúc tra giống với dữ liệu trong hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh thì giao kết quả cho Trưởng Ban phúc tra ký xác nhận kết quả chính thức;

- Nếu kết quả xét tuyển sau khi đã phúc tra có sự chênh lệch với dữ liệu trong hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh thì rút hồ sơ đăng ký dự tuyển giao cho Trưởng Ban phúc tra xem xét và điều chỉnh đúng với hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh, lập biên bản và lưu hồ sơ tuyển sinh;

- Trong trường hợp phúc tra kết quả xét tuyển mà thí sinh chuyển từ diện không trúng tuyển thành trúng tuyển (và ngược lại), Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh tiến hành xác định nguyên nhân sai sót, nếu thấy có biểu hiện và bằng chứng vi phạm thì xử lý theo quy định của Quy chế này.

đ) Kết luận phúc tra

- Kết quả phúc tra đã được Trưởng Ban phúc tra ký xác nhận là kết quả

chính thức;

- Kết quả được điều chỉnh do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định và thông báo đối với thí sinh đăng ký phúc tra.

Điều 24. Xử lý thông tin phản ánh vi phạm quy chế tuyển sinh

1. Nơi tiếp nhận thông tin, bằng chứng về vi phạm quy chế tuyển sinh
 - a) Hội đồng tuyển sinh của Trường (thông qua Ban Phúc tra tuyển sinh);
 - b) Thanh tra chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp.
2. Các bằng chứng vi phạm quy chế tuyển sinh sau khi đã được xác minh về tính xác thực là cơ sở để xử lý đối tượng vi phạm.
3. Cung cấp thông tin và bằng chứng về vi phạm quy chế tuyển sinh
 - a) Mọi người dân, kể cả thí sinh và những người tham gia công tác tuyển sinh, nếu phát hiện những hành vi vi phạm quy chế tuyển sinh cần cung cấp thông tin cho nơi tiếp nhận quy định tại khoản 1 Điều này để kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật về tố cáo;
 - b) Người cung cấp thông tin và bằng chứng về vi phạm quy chế tuyển sinh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của thông tin và bằng chứng đã cung cấp, không được lợi dụng việc làm đó để gây ảnh hưởng tiêu cực đến công tác tuyển sinh.
4. Đối với tổ chức, cá nhân tiếp nhận thông tin và bằng chứng về vi phạm quy chế tuyển sinh
 - a) Tổ chức việc tiếp nhận thông tin, bằng chứng theo quy định; bảo vệ nguyên trạng bằng chứng; xác minh tính xác thực của thông tin và bằng chứng;
 - b) Triển khai kịp thời các biện pháp ngăn chặn tiêu cực, vi phạm quy chế tuyển sinh theo thông tin đã được cung cấp;
 - c) Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền để xử lý và công bố công khai kết quả xử lý các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy chế tuyển sinh;
 - d) Bảo mật thông tin và danh tính người cung cấp thông tin.
5. Tiếp nhận tố cáo
 - a) Trường hợp tố cáo được thực hiện bằng đơn thì trong đơn tố cáo phải ghi rõ ngày, tháng, năm tố cáo; họ tên, địa chỉ của người tố cáo, cách thức liên hệ với người tố cáo; hành vi vi phạm pháp luật bị tố cáo; người bị tố cáo và các thông tin khác có liên quan. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo về cùng một nội dung thì trong đơn tố cáo còn phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, cách thức liên hệ với từng người tố cáo; họ tên của người đại diện cho những người tố cáo. Người tố cáo phải ký tên hoặc điểm chỉ vào đơn tố cáo.
 - b) Trường hợp người tố cáo đến tố cáo trực tiếp tại cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo viết đơn tố cáo hoặc ghi

lại nội dung tố cáo bằng văn bản và yêu cầu người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản, trong đó ghi rõ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo về cùng một nội dung thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo cử đại diện viết đơn tố cáo hoặc ghi lại nội dung tố cáo bằng văn bản và yêu cầu những người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản.

Mẫu đơn tố cáo theo Phụ lục XII của Quy chế này.

6. Trình tự giải quyết tố cáo

a) Thụ lý tố cáo: Hiệu trưởng ra Quyết định thụ lý báo cáo theo quy định của Luật tố cáo. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thụ lý tố cáo, người giải quyết tố cáo có trách nhiệm thông báo cho người tố cáo và thông báo về nội dung tố cáo cho người bị tố cáo biết. Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo.

Mẫu Phiếu thụ lý đơn khiếu nại, tố cáo theo Phụ lục XIII của Quy chế này.

b) Xác minh nội dung tố cáo

Người giải quyết tố cáo tiến hành xác minh nội dung tố cáo. Văn bản giao xác minh nội dung tố cáo có các nội dung chính sau đây:

- 1) Ngày, tháng, năm giao xác minh;
- 2) Người được giao xác minh nội dung tố cáo;
- 3) Họ tên, địa chỉ của người bị tố cáo; tên gọi, trụ sở của cơ quan, tổ chức bị tố cáo;
- 4) Nội dung cần xác minh;
- 5) Thời gian tiến hành xác minh;
- 6) Quyền và trách nhiệm của người được giao xác minh nội dung tố cáo.

Kết thúc việc xác minh nội dung tố cáo, người được giao xác minh phải có văn bản báo cáo người giải quyết tố cáo về kết quả xác minh nội dung tố cáo và kiến nghị biện pháp xử lý.

c) Kết luận nội dung tố cáo

Căn cứ vào nội dung tố cáo, giải trình của người bị tố cáo, kết quả xác minh nội dung tố cáo, tài liệu, chứng cứ có liên quan, Hiệu trưởng ban hành kết luận nội dung tố cáo. Kết luận nội dung tố cáo phải có các nội dung chính sau đây:

- 1) Kết quả xác minh nội dung tố cáo;
- 2) Căn cứ pháp luật để xác định có hay không có hành vi vi phạm pháp luật;

3) Kết luận về nội dung tố cáo là đúng, đúng một phần hoặc tố cáo sai sự thật; xác định trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến nội dung tố cáo;

4) Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền cần thực hiện; kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân khác áp dụng các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có vi phạm pháp luật;

5) Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật, áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo gửi kết luận nội dung tố cáo đến người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức quản lý người bị tố cáo và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; thông báo về kết luận nội dung tố cáo đến người tố cáo.

d) Xử lý kết luận nội dung tố cáo của người giải quyết tố cáo

Chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo căn cứ vào kết luận nội dung tố cáo tiến hành việc xử lý như sau:

1) Trường hợp kết luận người bị tố cáo không vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo bị xâm phạm do việc tố cáo không đúng sự thật gây ra, đồng thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người cố ý tố cáo sai sự thật;

2) Trường hợp kết luận người bị tố cáo vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì áp dụng biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương 3

THÔNG TIN BÁO CÁO, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT VÀ LƯU TRỮ

Điều 25. Chế độ báo cáo

Phòng Đào tạo tham mưu Hiệu trưởng thực hiện báo cáo kết quả tuyển sinh trên phần mềm Quản lý số liệu tuyển sinh, tốt nghiệp có địa chỉ tại: <http://qltuyensinh.gdnn.gov.vn>, đồng thời gửi báo cáo đến TCT ĐSVN, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo mẫu kèm theo Phụ lục XI tại Quy chế này chậm nhất vào ngày 25 hàng tháng.

Điều 26. Khen thưởng

1. Người có nhiều đóng góp, tích cực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tuyển sinh được giao, tùy theo thành tích cụ thể, được Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng

tuyển sinh trường khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và Quy chế Thi đua khen thưởng của Trường.

2. Quỹ khen thưởng trích trong lệ phí tuyển sinh.

Điều 27. Xử lý thí sinh dự tuyển vi phạm quy chế

Đối với những thí sinh dự tuyển vi phạm quy chế đều phải lập biên bản và tùy mức độ nặng nhẹ bị xử lý kỷ luật theo các quy định tại Quy chế này, đồng thời tùy theo mức độ vi phạm, có thể bị xử lý bằng các hình thức khác theo quy định hiện hành của pháp luật.

Tùy theo mức độ vi phạm, Hiệu trưởng quyết định xử lý kỷ luật bằng các hình thức khiển trách, cảnh cáo, đình chỉ, tước quyền vào học theo quy định tại Quy chế tuyển sinh của Trường và không trái với các quy định hiện hành.

Điều 28. Xử lý cán bộ làm công tác tuyển sinh vi phạm

Người tham gia công tác tuyển sinh có hành vi vi phạm quy chế (bị phát hiện trong khi làm nhiệm vụ hoặc sau kỳ tuyển sinh), nếu có đủ chứng cứ, tùy theo mức độ, sẽ bị cơ quan quản lý cán bộ áp dụng quy định tại Luật Viên chức và Luật Cán bộ, công chức; các văn bản quy định về xử lý kỷ luật viên chức, công chức, Nội quy trường và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 29. Chế độ lưu trữ

Các tài liệu liên quan đến kỳ tuyển sinh; kết quả, hồ sơ tuyển sinh Nhà trường phải bảo quản, lưu trữ, hủy tài liệu hết giá trị theo quy định tại Quy định về hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng trong Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành kèm theo Quyết định số 284/QĐ-CĐĐS ngày 04/5/2022 của Hiệu trưởng và các quy định hiện hành của pháp luật về lưu trữ.

Điều 30. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu thấy có điều khoản nào chưa phù hợp thì giám đốc các trung tâm, phân hiệu, trưởng các phòng, khoa kiến nghị Hiệu trưởng xem xét quyết định. / *Th*

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phan Thị Thu Hương

Phục lục I
DANH MỤC NGHỀ, CÔNG VIỆC NẶNG NHỌC, ĐỘC
HẠI, NGUY HIỂM VÀ NGHỀ, CÔNG VIỆC ĐẶC BIỆT NẶNG NHỌC,
ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-CDĐS ngày .../5/2022 của Hiệu trưởng
Trường Cao đẳng Đường sắt)

I. NGHỀ VẬN TẢI

1. Điều kiện lao động loại V

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
1	Lái đầu máy xe lửa	Thường xuyên lưu động trên tàu, luôn căng thẳng thần kinh, ảnh hưởng của tiếng ồn.
2	Nhân viên điều độ chạy tàu (Điều độ viên trực tiếp chỉ huy chạy tàu tại các trung tâm).	Công việc rất phức tạp, căng thẳng thần kinh tâm lý.

2. Điều kiện lao động loại IV

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
1	Điều độ viên trực tiếp chỉ huy chạy tàu tại các trung tâm (Hà Nội, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh)	Luôn giải quyết những việc phức tạp, căng thẳng thần kinh
2	Tuần đường, tuần cầu (đường sắt)	Đi lại nhiều, tập trung quan sát để kiểm tra đường, lưu động ngoài trời
3	Cấp than đầu máy hơi nước (tàu hoả)	Công việc nặng nhọc, nóng, bụi và ồn
4	Lái ô tô ray, xe goòng	Thường xuyên lưu động, ảnh hưởng của tiếng ồn, bụi
5	Trưởng đồn móc nối đầu máy toa xe ở các ga lớn (Hà Nội, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh)	Làm ngoài trời, đi lại nhiều, ảnh hưởng của tiếng ồn, bụi
6	Nhân viên nấu ăn, phục vụ ăn uống trên tàu Bắc Nam	Lưu động theo tàu, công việc nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, nóng, ồn
7	Trưởng tàu khách, trưởng tàu hàng.	Thường xuyên lưu động theo tàu, chịu tác động của ồn, rung và bụi, căng thẳng thần kinh tâm lý.
8	Áp tải, bảo vệ, giao nhận hàng hoá, hành lý, thiết bị theo tàu.	Lưu động theo tàu, chịu tác động của ồn, rung và bụi.
9	Trực ban, điều độ, chạy tàu ở các ga.	Đi lại nhiều, giải quyết nhiều công việc phức tạp, căng thẳng thần kinh tâm lý.
10	Trưởng đồn, móc nối, dẫn máy ở	Làm việc ngoài trời, công việc nặng

	các ga lập tàu.	nhọc, đi lại nhiều, chịu tác động của ồn và bụi.
11	Quay ghi đường sắt ở các ga lập tàu.	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công, nặng nhọc, chịu tác động của ồn và bụi.
12	Gác chắn đường ngang cấp I, gác chắn cầu chung.	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của ồn, bụi than và bụi hỗn hợp (khi tàu chạy qua).
13	Tuần hành đường sắt.	Đi lại nhiều trong hầm tối, tập trung quan sát để kiểm tra đường.
14	Vệ sinh sân ga, vệ sinh toa xe ở các ga xe lửa.	Làm việc ngoài trời, ảnh hưởng của ồn và bụi
15	Lắp đặt và đại tu thiết bị thông tin tín hiệu đường sắt.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, chịu tác động của bụi.
16	Sàng và cấp cát đầu máy xe lửa.	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công, nặng nhọc, chịu tác động của bụi nồng độ rất cao.
17	Vận hành bể lọc rửa phụ tùng đầu máy, toa xe.	Công việc nặng nhọc, luôn tiếp xúc với dầu mỡ và các hoá chất độc.
18	Phụ cầu, móc cáp.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm.
19	Phục vụ ăn, uống cho công nhân duy tu và đại tu đường sắt.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, đi lại nhiều, chịu tác động của nóng, bụi.
20	Nhân viên phục vụ (nấu ăn, phục vụ ăn uống, dọn dẹp, vệ sinh toa, giường nằm) trên các đoàn tàu hoả chở khách.	Phải kiêm nhiệm nhiều việc, công việc vất vả, thường xuyên lưu động theo tàu suốt ngày đêm. Chịu tác động của bụi, ồn, rung và khí hậu thay đổi của các miền trong một thời gian ngắn.
21	Cấp nhiên liệu cho đầu máy, toa xe.	Công việc độc hại, tiếp xúc thường xuyên với xăng, dầu và các sản phẩm hóa dầu.
22	Vận hành, điều khiển cầu đường sắt.	Tiếp xúc thường xuyên với ồn, bụi vượt tiêu chuẩn cho phép.
23	Phun bi, tẩy rỉ kim loại.	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của ồn, rung và bụi nồng độ cao.
24	Vận hành máy đầm, máy rung, máy dùi, máy xiết đinh đường sắt.	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của tiếng ồn và rung lớn.
25	Sản xuất bê tông (tạ vệt bê tông, cấu kiện bê tông...).	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, ồn và bụi.
26	Gác chắn đường ngang.	Làm việc ngoài trời, chịu tác động của ồn và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép. Công việc nặng nhọc căng thẳng, nguy

		ơ tai nạn cao.
27	Vận hành máy thi công đường sắt (máy sang đá, máy thay tà vẹt, máy hàn ray, máy mài ray, máy xúc đào, máy đa năng)	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc lây lộn, ẩm ướt, chịu tác động của ồn, rung. Thường xuyên tiếp xúc với các loại axit, kiềm, xút....
28	Mộc, nề, kiến trúc, sắt, sửa chữa cơ khí tại hiện trường (đường sắt)	Chịu tác động hơi kiềm, ồn, rung và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép

II. XÂY DỰNG GIAO THÔNG VÀ KHO TÀNG BẾN BÃI

1. Điều kiện lao động loại VI

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
1	Ngâm tấm, bảo quản tà vẹt phòng mục bán tự động	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm và độc hại do phải tiếp xúc trực tiếp với hoá chất độc mạnh (phenol) ở nồng độ rất cao.

2. Điều kiện lao động loại V

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
1	Vận hành máy chèn đường sắt.	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của tiếng ồn, rung lớn.
2	Bốc xếp thủ công ở các ga, kho, bến, bãi.	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công rất nặng nhọc.

3. Điều kiện lao động loại IV

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
1	Sửa chữa, bảo dưỡng, duy tu cầu, đường sắt	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công nặng nhọc, bụi
2	Vệ sinh sân ga, vệ sinh toa xe ở các ga (Hà Nội, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh)	Làm ngoài trời, ảnh hưởng của ồn và bụi bẩn
3	Lái xe cần trục từ 20 tấn trở lên	Công việc nặng nhọc, nóng

Phụ lục II

CÁC CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN TUYỂN SINH

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-CDĐS ngày . /5/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Đường sắt)

1. Chính sách ưu tiên theo đối tượng

a) Nhóm ưu tiên 1 (UT1) gồm các đối tượng:

- Đối tượng 01: Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú tại: các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hiện hành; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình giảm nghèo bền vững theo quy định hiện hành.

- Đối tượng 02: Người lao động đã làm việc liên tục 5 năm trở lên trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.

- Đối tượng 03:

+ Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh”;

+ Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1;

+ Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên;

+ Quân nhân, công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định;

+ Các đối tượng ưu tiên quy định tại điểm i, k, l, m khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh số 02/2020/PL-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với cách mạng.

- Đối tượng 04:

+ Con liệt sĩ;

+ Con thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

+ Con bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

+ Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 81% trở lên;

+ Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”;

+ Con của Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, con của Anh hùng lao động;

+ Người bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

+ Con của người có công với cách mạng quy định tại điểm a, b, d khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh số 02/2020/PL-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với cách mạng.

b) Nhóm ưu tiên 2 (UT2) gồm các đối tượng:

- Đối tượng 05:

+ Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học;

+ Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 18 tháng không ở Khu vực 1;

+ Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở.

Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên đối với quân nhân, công an phục viên, xuất ngũ ở ngành, nghề dự thi hay đăng ký xét tuyển vào học trình độ cao đẳng, trung cấp là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày dự thi hay đăng ký xét tuyển.

- Đối tượng 06:

+ Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01;

+ Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%;

+ Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%;

+ Con của người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;

+ Con của người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế được hưởng chế độ ưu tiên theo quy định tại khoản 3, Điều 36 Pháp lệnh số 02/2020/PL-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với cách mạng;

+ Con của người có công giúp đỡ cách mạng.

- Đối tượng 07:

+ Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;

+ Người lao động ưu tú thuộc tất cả các thành phần kinh tế được từ cấp tỉnh,

Bộ trở lên công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh;

+ Y tá, dược tá, hộ lý, kỹ thuật viên, y sĩ, dược sĩ trung cấp đã công tác đủ 3 năm trở lên thi vào các ngành y, dược.

c) Những đối tượng ưu tiên khác đã được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành sẽ do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định;

d) Người có nhiều diện ưu tiên theo đối tượng chỉ được hưởng một diện ưu tiên cao nhất.

2. Chính sách tuyển thẳng

a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến, Chiến sĩ thi đua toàn quốc: tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên được tuyển thẳng vào học trình độ cao đẳng; tốt nghiệp trung học cơ sở, tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương) được tuyển thẳng vào học trình độ trung cấp;

b) Người đã trúng tuyển vào các trường, nhưng ngay năm đó có lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung nay đã hoàn thành nghĩa vụ, được phục viên, xuất ngũ mà chưa được nhận vào học ở một trường lớp chính quy dài hạn nào, được từ cấp trung đoàn trong quân đội hoặc Tổng đội thanh niên xung phong giới thiệu, nếu có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn về sức khỏe, có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ thì được xem xét nhận vào học tại trường trước đây đã trúng tuyển. Nếu việc học tập bị gián đoạn từ 3 năm trở lên và các đối tượng được tuyển thẳng có nguyện vọng, thì được xem xét giới thiệu vào các trường, lớp dự bị để ôn tập trước khi vào học chính thức;

c) Thí sinh đoạt từ giải khuyến khích trở lên trong các kỳ thi Olympic, hội thi khoa học kỹ thuật, thi chọn học sinh giỏi từ cấp tỉnh trở lên tổ chức được tuyển thẳng học trình độ trung cấp và đoạt giải khuyến khích trở lên trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, thí sinh đoạt giải khuyến khích trở lên trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, được tuyển thẳng vào cao đẳng theo đúng ngành, nghề hoặc gần ngành, nghề của môn mà thí sinh đã đoạt giải. Nếu thí sinh chưa tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở sẽ được bảo lưu sau khi tốt nghiệp;

d) Đối với thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định: Hiệu trưởng trường căn cứ vào kết quả học tập trung học phổ thông của học sinh (học bạ), tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành, nghề đào tạo để xem xét, quyết định cho vào học;

đ) Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học tại các trường cao đẳng, trung cấp Việt Nam: Hiệu trưởng trường căn cứ kết quả học tập trung học phổ thông của học sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và tiếng Việt theo quy định của trường để xem xét, quyết định cho vào học;

e) Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp trung học phổ thông tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú

tính theo hộ khẩu thường trú) tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển theo quy định hiện hành; thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ;

g) Người có bằng trung cấp loại giỏi trở lên và người có bằng trung cấp loại khá có ít nhất 02 năm làm việc theo ngành, nghề đã được đào tạo, đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 5 của Quy chế này sẽ được tuyển thẳng vào cùng ngành, nghề trình độ cao đẳng;

h) Người đạt một trong các giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề quốc gia đáp ứng quy định tại khoản 3, Điều 5 của Quy chế này sẽ được tuyển thẳng vào Trường để học ngành, nghề phù hợp với nghề đã đoạt giải ở trình độ cao đẳng;

i) Thí sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông (hoặc tương đương) có hạnh kiểm xếp loại khá trở lên, thuộc một trong các đối tượng sau đây được tuyển thẳng vào học trình độ trung cấp:

+ Con liệt sĩ;

+ Con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh mất sức lao động từ 81% trở lên;

+ Mồ côi cả cha lẫn mẹ.

3. Thí sinh không dùng quyền tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển vào học trình độ cao đẳng

a) Đối với thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, các kỳ thi tay nghề quốc gia, đoạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia và đã tốt nghiệp trung học phổ thông, Hiệu trưởng trường xem xét, quyết định cho vào học;

b) Hằng năm, thí sinh dự tuyển thuộc đối tượng tuyển thẳng làm hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng (đơn đăng ký xét tuyển thẳng, các tài liệu minh chứng được hưởng chính sách tuyển thẳng), nộp trực tiếp cho Nhà trường trong thời gian thu nhận hồ sơ của Trường.

4. Thí sinh thuộc diện tuyển thẳng nhưng không sử dụng quyền được tuyển thẳng nếu dự tuyển theo hình thức xét tuyển được ưu tiên cộng điểm theo quy định của trường vào tổng điểm các môn dự tuyển của thí sinh.

Hằng năm, thí sinh dự tuyển thuộc đối tượng tuyển thẳng làm hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng (đơn đăng ký xét tuyển thẳng, các tài liệu minh chứng được hưởng chính sách tuyển thẳng), nộp cho Trường trong thời gian thu nhận hồ sơ theo quy định của Nhà trường.

5. Chính sách ưu tiên theo khu vực

a) Thí sinh học liên tục và tốt nghiệp trung học tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu trong 3 năm học trung học phổ thông (hoặc trong thời gian học trung cấp) có chuyển trường thì thời gian học ở khu vực nào lâu hơn được hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu mỗi năm học một trường thuộc các khu vực có mức ưu tiên khác nhau hoặc nửa thời gian học ở trường này, nửa thời

gian học ở trường kia thì tốt nghiệp ở khu vực nào, hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Quy định này áp dụng cho tất cả thí sinh, kể cả thí sinh đã tốt nghiệp từ trước năm thi tuyển sinh;

b) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú:

- Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú;
- Học sinh các trường, lớp dự bị;
- Học sinh các lớp tạo nguồn được mở theo quyết định của các Bộ, cơ quan ngang Bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Học sinh có hộ khẩu thường trú (trong thời gian học trung học phổ thông hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình giảm nghèo bền vững theo quy định hiện hành nếu học trung học phổ thông (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã có ít nhất một trong các xã thuộc diện nói trên;
- Quân nhân, công an nhân dân được cử đi dự thi, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ.

c) Các khu vực tuyển sinh được phân chia như sau:

- Khu vực 1 (KV1) gồm: Các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành tương ứng với thời gian học trung học phổ thông/trung học cơ sở hoặc trung cấp của thí sinh, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo và các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình giảm nghèo bền vững theo quy định hiện hành;
- Khu vực 2 - nông thôn (KV2-NT) gồm: Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3;
- Khu vực 2 (KV2) gồm: Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).;
- Khu vực 3 (KV3) gồm: Các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương. Thí sinh thuộc KV3 không thuộc diện hưởng ưu tiên khu vực.

6. Khung điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực tuyển sinh

Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (một phần tư điểm) đối với thang điểm 10./.

Phụ lục III
PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-CDĐT ngày ... tháng ... năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Đường sắt)

MÃ HỒ SƠ:.....
 (Do Phòng ĐT ghi)

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Năm:.....

I Thông tin cá nhân

- 1 Họ và tên*:
- 2 Ngày tháng năm sinh*:
- 3 Giới tính: Nam Nữ
- 4 Trình độ văn hóa*: THCS THPT
- 5 Email:
- 6 Điện thoại liên hệ*:
- 7 Địa chỉ liên hệ*:
- 8 Đối tượng ưu tiên (nếu có):

II Thông tin đăng ký học

- 9 Tên trường*: **Trường Cao đẳng Đường sắt** Mã số: **CDT0106**
- 10 Tên ngành/nghề học* (Người học có thể đăng ký nhiều hơn 1 nguyện vọng):
 - Ngành/nghề (NV) 1:..... Mã ngành/nghề:.....
 - Trình độ đào tạo: Sơ cấp: Trung cấp: Cao đẳng: Cao đẳng 9+:
 - Ngành/nghề (NV) 2:..... Mã ngành/nghề:.....
 - Trình độ đào tạo: Sơ cấp: Trung cấp: Cao đẳng: Cao đẳng 9+:
 - Ngành/nghề (NV) 3:..... Mã ngành/nghề:.....
 - Trình độ đào tạo: Sơ cấp: Trung cấp: Cao đẳng: Cao đẳng 9+:

....., ngày.... tháng.... năm.....

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

HƯỚNG DẪN

Ghi Phiếu đăng ký dự tuyển vào giáo dục nghề nghiệp

Thí sinh ghi đầy đủ các nội dung từ mục 1 đến mục 10 (nội dung có ký tự (*) là phần bắt buộc phải có) và lưu ý một số nội dung sau:

1. **Mục 1, 2:** Ghi đầy đủ họ tên, ngày tháng năm sinh theo học bạ (hoặc theo Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, Hộ chiếu nếu có);

2. **Mục 4:** Nếu đã tốt nghiệp THCS, THPT thì đánh dấu vào ô thích hợp. Nếu đang học thì ghi rõ lớp đang học (Ví dụ: Đang học lớp 12; đang học lớp 9).

3. **Mục 6:** Ghi số điện thoại của người nhận giấy báo và số điện thoại của thí sinh (nếu có), số điện thoại của thí sinh ghi sau số điện thoại của người nhận giấy báo;

4. **Mục 7:** Ghi rõ tên người nhận và địa chỉ của người nhận giấy báo. Địa chỉ phải đầy đủ: Số nhà, đường, phố, thôn (bản), xã (phường), huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương).

5. Mục 10:

* Thí sinh tìm hiểu về ngành nghề đào tạo, trường đào tạo trước khi đăng ký. Có 3 cách cơ bản để tìm hiểu về những thông tin trên như sau:

(1) Thông báo tuyển sinh của Trường Cao đẳng đường sắt tại địa chỉ trang Web: <http://caodangduongsat.edu.vn>, hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, các tờ rơi, áp phích tuyển sinh của Trường hàng năm.

(2) Tham khảo sách “Những điều cần biết về tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp” được phát hành hàng năm trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Địa chỉ: <http://gdn.gov.vn>);

(3) Truy cập webiste: <http://tuyensinh.gdn.gov.vn/>, tìm kiếm theo từng tỉnh để biết về các trường và các nghề đào tạo của trường;

(4) Cài đặt ứng dụng “**Chọn nghề**” trên thiết bị di động (máy tính bảng, điện thoại Smartphone,...) để tìm hiểu về ngành nghề, về trường học.

Trường hợp không biết chính xác mã nghề có thể bỏ trống.

Theo cách (1), (3) và (4), thí sinh có thể đăng ký tuyển sinh trực tuyến và có thể đăng ký từ 1 đến 3 nguyện vọng (3 ngành nghề).

* Về trình độ đào tạo: Đánh dấu (x) vào ô phù hợp:

- Trình độ trung cấp: Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THCS và tương đương trở lên;

- Trình độ cao đẳng: Đối tượng tuyển sinh:

(1) Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

(2) Người có bằng tốt nghiệp trung cấp và có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng

kiến thức văn hóa THPT hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của pháp luật về giáo dục.

*** Mã ngành, nghề đào tạo của Trường:**

TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Trình độ đào tạo
1	Bảo dưỡng, sửa chữa công trình giao thông đường sắt đô thị	5510111	Trung cấp
2	Công nghệ chế tạo và bảo dưỡng đầu máy	6510215	Cao đẳng
		5510215	Trung cấp
3	Công nghệ chế tạo và bảo dưỡng toa xe	5510214	Trung cấp
4	Điện công nghiệp	6520227	Cao đẳng
5	Điện dân dụng	5520226	Trung cấp
6	Điều hành chạy tàu hoả	6840125	Cao đẳng
		5840125	Trung cấp
7	Điều hành đường sắt đô thị	5840128	Trung cấp
8	Kế toán doanh nghiệp	6340302	Cao đẳng
9	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	5520205	Trung cấp
10	Lái tàu đường sắt	6840124	Cao đẳng
		5840124	Trung cấp
11	Lái tàu điện	5840127	Trung cấp
12	Quản trị kinh doanh vận tải đường sắt	8340408	Cao đẳng
13	Quản trị mạng máy tính	6480209	Cao đẳng
14	Thông tin tín hiệu đường sắt	6840122	Cao đẳng
		5840122	Trung cấp
15	Vận hành, sửa chữa máy thi công đường sắt	5520188	Trung cấp
16	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	5520255	Trung cấp
17	Xây dựng và bảo dưỡng công trình giao thông đường sắt	6510110	Cao đẳng
		5510110	Trung cấp

Phụ lục IV
MẪU ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CĐĐS ngày .../5/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Đường sắt)

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM.....

TT	Ngành, nghề, đào tạo	Mã ngành, nghề	Trình độ			Chỉ tiêu theo đăng ký hoạt động (người)	Tự xác định chỉ tiêu (người)
			Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp và chương trình đào tạo nghề nghiệp khác		
1							
2							
3							
....							
	Tổng cộng						

HIỆU TRƯỞNG

Phụ lục V**MẪU KẾ HOẠCH TUYỂN SINH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CĐĐS ngày .../5/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Đường sắt)

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Số..../KH-CĐĐS

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

**KẾ HOẠCH TUYỂN SINH
NĂM HỌC.....**

Căn cứ Quy chế Tuyển sinh Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành kèm theo Quyết định số:... /QĐ-CĐĐS ngày .../.../2022 của Hiệu trưởng;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 14/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 31/01/2020 và số 14a/2020/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 9/10/2020 do Tổng cục GDNN cấp;

Căn cứ Quyết định số:.../QĐ-CĐĐS ngày .../.../20... của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh Năm học...;

Căn cứ kế hoạch đào tạo Năm học... ngày .../.../20... của Hiệu trưởng;

Kế hoạch tuyển sinh của Trường Cao đẳng Đường sắt Năm học... được lập như sau:

1. Tuyển sinh trình độ đào tạo sơ cấp, trung cấp, cao đẳng

1.1. Chỉ tiêu tuyển sinh

- Tuyển sinh trình độ cao đẳng chính quy

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh			
			Toàn trường	Trụ sở chính	PHĐN	PHPN

- Tuyển sinh trình độ trung cấp chính quy

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh			
			Toàn trường	Trụ sở chính	PHĐN	PHPN

- Tuyển sinh trình độ sơ cấp

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh			
			Toàn	Trụ sở	PHĐN	PHPN

			trường	chính		

1.2. Thời gian tuyển sinh

Tuyển sinh quanh năm theo từng đợt, cụ thể:

- Đợt 1: Từ tháng 1 đến tháng 3.
- Đợt 2: Từ tháng 4 đến tháng 6.
- Đợt 3: Từ tháng 7 đến tháng 9.
- Đợt 4: Từ tháng 10 đến tháng 12.

2. Tuyển sinh các lớp đào tạo thường xuyên, bồi dưỡng nghiệp vụ

2.1. An toàn vệ sinh lao động

TT	Đơn vị được đào tạo	Địa điểm đào tạo	Dự kiến thời gian mở lớp

2.2. Các lớp đối tượng của Đảng

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Thời gian nhận hồ sơ	Dự kiến thời gian mở lớp

2.3. Các chuyên ngành đào tạo khác

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Thời gian nhận hồ sơ	Dự kiến thời gian mở lớp

3. Hình thức quảng bá thông tin tuyển sinh

3.1. Gửi công văn và Thông báo tuyển sinh

3.2. Tư vấn trực tuyến qua Email, Zalo, Fanpage, Facebook, Website của Trường;

3.3. Trực tiếp đi tuyển sinh tới các UBND cấp xã, các trường THCS, THPT

3.4. Thông báo tuyển sinh qua các kênh thông tin đại chúng

3.5. Đặt Standees, băng rôn, posters tại cổng Trường, cổng các phân hiệu, các ga đường sắt...

.....

4. Đối tượng tuyển sinh và thời gian đào tạo

- 4.1. Trình độ cao đẳng
- 4.2. Trình độ trung cấp
- 4.3. Trình độ trung cấp liên thông
- 4.4. Trình độ sơ cấp

5. Phạm vi xét tuyển

Xét tuyển trong phạm vi cả nước, trong đó:

- Trụ sở chính:.....
- Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Đà Nẵng:.....
- Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Phía Nam:.....

6. Hình thức xét tuyển

- 6.1. Trình độ cao đẳng
(*Xét tuyển theo học bạ lớp 12 theo tổ hợp các môn*).
- 6.2. Trình độ trung cấp
(*Xét tuyển theo học bạ lớp.....*)
- 6.3. Trình độ trung cấp liên thông

Xét tuyển theo điểm trung bình toàn khóa của Sơ cấp tương ứng.

7. Địa điểm đào tạo

7.1. Trụ sở chính

Số 2/167, phố Gia Quất, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

7.2. Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Đà Nẵng

Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Đà Nẵng, địa chỉ: Số 62a Nguyễn Văn Cừ, phường Hoà Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

7.3. Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Phía Nam

Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Phía Nam, địa chỉ: Số 7, đường Lý Thường Kiệt, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

7.4. Cơ sở liên kết

8. Tổ chức thực hiện

.....

Nơi nhận:

- Các phòng, khoa, trung tâm, phân hiệu;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

Phụ lục VI
MẪU THÔNG BÁO TUYỂN SINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CĐĐS ngày .../5/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Đường sắt)

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Số..../TB-CĐĐS

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO TUYỂN SINH
Đợt..... Năm học.....

Căn cứ Kế hoạch Tuyển sinh của Trường Cao đẳng Đường sắt năm..... số.../KH-CĐĐS ngày.... tháng... năm của Hiệu trưởng;

Trường Cao đẳng Đường sắt thông báo xét tuyển để đào tạo các ngành nghề Đợt... Năm học... như sau:

1. Các ngành nghề đào tạo miễn 100% học phí

TT	Ngành, nghề đào tạo	Số lượng tuyển	Thời gian đào tạo (tháng)	Đối tượng tuyển sinh
I	Hệ cao đẳng			
II	Hệ trung cấp			
III	Hệ sơ cấp			

2. Các ngành nghề đào tạo giảm 30% học phí

TT	Ngành, nghề đào tạo	Số lượng tuyển	Thời gian đào tạo (tháng)	Đối tượng tuyển sinh
I	Hệ cao đẳng			
II	Hệ trung cấp			
III	Hệ sơ cấp			

Chú ý: (*) Các chuyên ngành phải khám sức khỏe theo quy định nghề đường sắt trước khi nhập học.

(**) Nghề có 01 học kỳ học văn hóa.

3. Căn cứ xét tuyển

- 3.1. Trình độ cao đẳng
- 3.2. Trình độ trung cấp
- 3.3. Trình độ sơ cấp

4. Quyền lợi của người học khi chúng tuyển

- 4.1. Được Nhà trường giới thiệu ký hợp đồng học nghề, hợp đồng làm việc với các doanh nghiệp đường sắt.
- 4.2. Được xét cấp học bổng theo Quy chế của Trường.
- 4.3. Được thu xếp chỗ ở nội trú (nếu có nhu cầu).

5. Thủ tục hồ sơ

5.1. Hồ sơ

- Hồ sơ của các thí sinh được nhận tại các địa điểm tư vấn của Trường. Thí sinh có thể tải mẫu đăng ký trên trang Web của Trường theo địa chỉ: www.caodangduongsat.edu.vn điền đủ thông tin và gửi về Trường (Có thể chụp ảnh rồi gửi qua Email hoặc Zalo theo địa chỉ tại Mục 6 của Thông báo này). Người học sẽ hoàn thiện hồ sơ khi đến Trường làm thủ tục nhập học.

- Riêng các chuyên ngành đường sắt (*) Nhà trường sẽ tổ chức sơ tuyển sức khỏe trước khi nhập học chính thức.

5.2. Lệ phí khám sức khỏe cho một số chuyên ngành đường sắt:.....

6. Địa chỉ nhận hồ sơ, tư vấn và học tập

6.1. Trung tâm Tư vấn và giáo dục nghề nghiệp-Trường Cao đẳng Đường sắt

- Địa chỉ: Số 449B, phố Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 024.38738281; điện thoại di động: 09.... (gặp cô).

6.2. Phòng Đào tạo – Trường Cao đẳng Đường sắt

- Địa chỉ: Số 2/167, phố Gia Quất, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 024.38271264; điện thoại di động: 09... (gặp thầy ...).

7. Khu vực tuyển sinh và thời gian nộp hồ sơ và xét tuyển

7.1. Khu vực tuyển sinh: Khu vực miền Bắc từ tỉnh

7.2. Thời hạn nộp hồ sơ và xét tuyển

- Thời gian nhận hồ sơ:.....

- Thời gian xét tuyển:.....

Nơi nhận:

- Website trường;
- Các phòng, khoa, trung tâm, phân hiệu;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

Phụ lục VIII
MẪU ĐƠN XIN PHÚC TRA TUYỂN SINH
(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-CĐDS ngày .../5/2022 của Hiệu trưởng)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN PHÚC TRA TUYỂN SINH

Kính gửi: Hội đồng Tuyển sinh Trường Cao đẳng Đường sắt Năm học...

Tôi tên là:.....

Ngày sinh:...../...../.....

Hộ khẩu thường trú:.....

.....
Số thẻ căn cước công dân :

Số điện thoại:.....

Địa chỉ Email:.....

Tôi đã nộp hồ sơ dự tuyển nghề..... Trình độ đào tạo.....
Năm học..... của Trường. Tôi xin phúc tra kết quả xét tuyển của tôi.

Lý do:.....

.....
.....
.....
Tôi xin chân thành cảm ơn!

..... , ngày..... tháng..... năm 20...

Người làm đơn
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Phụ lục IX

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN
(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-CĐĐS ngày .../5/2022 của Hiệu trưởng)

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

BIÊN BẢN
KIỂM TRA HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

- Thời gian: lúc ... giờ... phút, ngày... tháng... năm 20...
- Địa điểm:
- Thành phần:
 1. Ông (Bà)..... Chức vụ:
 2. Ông (Bà)..... Chức vụ:.....

I. NỘI DUNG

Kiểm tra tình trạng hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh:

- 1) Mã hồ sơ:.....
 - 2) Mã hồ sơ:.....
-

II. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận
.....
2. Kiến nghị
.....

NGƯỜI KIỂM TRA 1

....., ngày.... tháng năm 20...
NGƯỜI KIỂM TRA 2

Phụ lục X**MẪU BÁO CÁO PHÚC TRA ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN***(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-CĐĐS ngày .../5/2022 của Hiệu trưởng)*TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮTCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc*....., ngày... tháng... năm 20...***BÁO CÁO
PHÚC TRA ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN**

Thực hiện Kế hoạch tuyển sinh Năm học ... số.../KH-CĐĐS ngày... tháng... năm 20... của Hiệu trưởng. Ban Phúc tra tuyển sinh Năm học... gồm các ông, bà sau:

- | | |
|------------------|----------------|
| 1. Ông (Bà)..... | Chức vụ: |
| 2. Ông (Bà)..... | Chức vụ:..... |

.....
Đã tiến hành kiểm tra ... bộ hồ sơ dự tuyển của các thí sinh từ ngày.../.../... đến ngày .../.../.... theo các bước: kiểm tra tình trạng hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh; đối chiếu kết quả xét tuyển do Trường thông báo tới thí sinh đăng ký phúc tra với hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh. Kết quả cụ thể như sau:

I. NỘI DUNG KIỂM TRA

- Về tình trạng hồ sơ đăng ký dự tuyển
.....

- Đối chiếu kết quả xét tuyển
.....

II. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Kết luận
.....

- Kiến nghị
.....

*....., ngày.... tháng năm 20...***TRƯỞNG BAN PHÚC TRA**

Phụ lục XI
MẪU BÁO CÁO SỐ LIỆU TUYỂN SINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CĐĐS ngày .././2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Đường sắt)

BÁO CÁO SỐ LIỆU TUYỂN SINH

Thời điểm báo cáo: ngày..... tháng..... năm.....

Đơn vị: Trường Cao đẳng Đường sắt.

Địa chỉ: Số 2/167, phố Gia Quất, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Điện thoại trường: 02438710384.

TT	Ngành, nghề đào tạo		Kế hoạch tuyển sinh năm..... (theo đăng ký chỉ tiêu TS đầu năm)				Kết quả tuyển sinh																
			Tổng số	CĐ	TC	SC và đào tạo nghề nghiệp khác	Tổng số tuyển sinh các trình độ	Trong tổng số tuyển sinh:		Chia theo trình độ đào tạo													
								Nữ	Dân tộc thiểu số/ít người	CĐ				TC				SC và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác					
										Cộng CĐ	Tuyển mới	Liên thông	Trong đó: Nữ Dân tộc thiểu số/ít người	Cộng TC	Tốt nghiệp THCS	Tốt nghiệp THPT	Trong đó: Nữ Dân tộc thiểu số/ít người	Cộng SC và đào tạo nghề nghiệp khác	SC	Chương trình đào tạo nghề nghiệp khác	Trong đó: Nữ Dân tộc thiểu số/ít người		
(1)=(2)+(3)+(4)	(2)	(3)	(4)	(5)=(8)+(13)+(18)	(6)=(11)+(16)+(21)	(7)=(12)+(17)+(22)	(8)=(9)+(10)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(14)+(15)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)=(19)+(20)	(19)	(20)	(21)	(22)		
1	Ngành, nghề:.....				-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Ngành, nghề:.....				-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
...					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		Tổng cộng																					

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm

HIỆU TRƯỞNG

Phụ lục XII
MẪU ĐƠN TỐ CÁO

(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-CĐDS ngày .../.../2022 của Hiệu trưởng)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN TỐ CÁO

Kính gửi: Hội đồng Tuyển sinh Trường Cao đẳng Đường sắt Năm học...

Tôi tên là:..... Ngày sinh:..../.../.....

Số thẻ CCCD/CMTND số:..... Ngày cấp:..../.../20...

Nơi cấp :

Hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại :

Số điện thoại:..... Địa chỉ Email:.....

Tôi làm đơn này tố cáo và đề nghị Quý cơ quan tiến hành điều tra và xử lý theo quy định của pháp luật và nội quy, quy chế của Trường đối với hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm quy chế tuyển sinh của:

Anh Sinh ngày: .../.../.....

Chứng minh nhân dân số: Ngày cấp:..../.../20...

Nơi cấp :

Hộ khẩu thường trú :

Chỗ ở hiện tại :

Vì anh đã có hành vi

Sự việc cụ thể như sau:

.....
.....
.....

Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của....., nay tôi viết đơn này tố cáo anh..... Kính đề nghị Quý cơ quan giải quyết cho những yêu cầu sau đây:

1- Xác minh và xử lý theo quy định của pháp luật, nội quy, quy chế của Trường đối với anh về hành vi

2- Buộc anh phải.....

Tôi cam kết toàn bộ nội dung đã trình bày trên là hoàn toàn đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những điều trình bày trên.

Kính mong được Hội đồng Tuyển sinh Trường Cao đẳng Đường sắt Năm học... xem xét và giải quyết.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

..... , ngày..... tháng..... năm 20...

Người tố cáo
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Phụ lục XIII
PHIẾU ĐỀ XUẤT THỤ LÝ ĐƠN
(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-CĐĐS ngày ... tháng 5 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Đường sắt)

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT

Số..../PG-CĐĐS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

PHIẾU ĐỀ XUẤT THỤ LÝ ĐƠN¹

Kính gửi: Hiệu trưởng – Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Năm học 20...

Ngày .../.../20.... Ban Phúc tra tuyển sinh Năm học 20... nhận được đơn
 của ông (bà).....

Địa
 chỉ:

Nội dung đơn:²

Vụ việc đã được³ giải quyết ngày .../.../.... (nếu
 có).

Sau khi xem xét nội dung đơn và căn cứ quy định của pháp luật, Ban Phúc
 tra tuyển sinh Năm học 20... đề xuất Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng tuyển
 sinh Năm học 20... thụ lý đề giải quyết đơn của ông (bà)

HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
TUYỂN SINH NĂM HỌC
20...

TRƯỞNG BAN
PHÚC TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐỀ XUẤT
(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Đơn khiếu nại hoặc đơn tố cáo.

² Trích yếu tóm tắt về nội dung đơn.

³ Người có thẩm quyền đã giải quyết (nếu có).